

Số: **860**/UBND-VP
Về việc niêm yết, tiếp nhận
và giải quyết TTHC lĩnh vực
Lao động - Thương binh và Xã hội

Hoàng Mai, ngày **24** tháng 4 năm 2019

Kính gửi: - Văn phòng HĐND và UBND Quận;
- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;
- UBND các phường.

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1898/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội

Để đảm bảo việc niêm yết, tiếp nhận và giải quyết TTHC đúng theo quy định, UBND Quận yêu cầu:

1. Văn phòng HĐND và UBND Quận

1.1. Thực hiện niêm yết 02 thủ tục hành chính lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện được công bố theo Quyết định số 1898/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của UBND thành phố Hà Nội.

1.2. Thực hiện niêm yết việc bãi bỏ 17 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Lao động – Thương binh và Xã hội tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ hành chính của Quận được công bố theo Quyết định số 1898/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của UBND thành phố Hà Nội gồm:

- Các thủ tục số: 4, 6, 11, 24, 27, 28, 34, 35, 55, 57, 69 phần VI lĩnh vực Lao động, Thương binh xã hội tại Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội hết hiệu lực.

- Các thủ tục số: 9, 10, 12, 20, 24, 27 phần V mục B phụ lục số 02 lĩnh vực Bảo trợ xã hội tại Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội hết hiệu lực. (chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

1.3. Việc niêm yết thủ tục hành chính thực hiện đúng theo hướng dẫn tại Mục 2 của Thông tư 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp.

- Thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ theo đúng nội dung thủ tục quy định.
- Cập nhật các thủ tục được bổ sung để kiểm soát; kiểm tra việc thực hiện của các đơn vị.

2. Phòng Lao động Thương binh và Xã hội:

Cập nhật thủ tục hành chính lĩnh vực Lao động Thương binh và Xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Quận để phối hợp thực hiện đúng quy định.

3. UBND các phường thuộc Quận:

3.1. Thực hiện niêm yết 02 thủ tục hành chính lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã được công bố theo Quyết định số 1898/QĐ-UBND ngày 19/04/2019 của UBND thành phố Hà Nội

3.2. Thực hiện niêm yết việc bãi bỏ 20 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ hành chính của phường được công bố theo Quyết định số 1898/QĐ-UBND ngày 19/04/2019 của UBND thành phố Hà Nội gồm:

- Các thủ tục số: 1, 7, 15, 23,24, 26, 29, 31, 32, 38, 43, 46, 57, 58, 60

phần V lĩnh vực Lao động, Thương binh xã hội tại Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội hết hiệu lực.

- Các thủ tục số 8, 9 phần I, mục C phụ lục 2 lĩnh vực Bảo trợ xã hội – Giảm nghèo và số 19, 20 phần IV, mục C phụ lục 2 lĩnh vực Phòng, chống Tệ nạn xã hội tại Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội hết hiệu lực.

(chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

- Việc niêm yết thủ tục hành chính thực hiện đúng theo hướng dẫn tại Mục 2 của Thông tư 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp.

Ủy ban nhân dân Quận yêu cầu các phòng, ban, đơn vị, UBND các phường nghiêm túc triển khai, trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo UBND Quận *(qua Văn phòng HĐND và UBND Quận)*./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Chủ tịch UBND Quận (để b/c);
- Công thông tin điện tử Quận;
- Lưu VT.



Trần Quý Thái

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

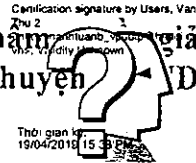
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1898/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội



CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 1004/TT-SLĐTBXH ngày 09/4/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội bao gồm 7 thủ tục, trong đó: 03 thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; 02 thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện; 02 thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Bãi bỏ 80 thủ tục hành chính lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội, trong đó: 38 thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; 05 thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ; 17 thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện; 20 thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội.

(chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các thủ tục hành chính số 22, 23, 28, 38, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 54, 55 lĩnh vực Người có công phần I tại Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 22/4/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố hết hiệu lực. (Xoá)

Thủ tục hành chính số 74 lĩnh vực Bảo trợ xã hội phần I tại Quyết định 1867/QĐ-UBND ngày 22/4/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố hết hiệu lực.

Các thủ tục hành chính số 4, 6, 11, 24, 27, 28, 34, 35, 55, 57, 69 lĩnh vực Lao động-Thương binh xã hội phần VI tại Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố hết hiệu lực. *Quản*

Các thủ tục hành chính số 1, 7, 15, 23, 24, 26, 29, 31, 32, 38, 43, 46, 57, 58, 60 lĩnh vực Lao động-Thương binh xã hội phần V tại Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố hết hiệu lực. (*xã*)

Thủ tục hành chính số 1 lĩnh vực Bảo trợ xã hội phần I tại Quyết định 5574/QĐ-UBND ngày 29/11/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố hết hiệu lực. *Số 1*

Các thủ tục hành chính số 1, 2, 3 lĩnh vực Người có công phần I tại Quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 27/4/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố hết hiệu lực. (*Vô 18*)

Thủ tục hành chính số 1, lĩnh vực Lao động-Thương binh và Xã hội điểm A mục II phần I tại Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố hết hiệu lực. → *Quản*

Các thủ tục hành chính số 21, 23, 33, 39, 43, 44, 45, 46 lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp phần III mục A phụ lục 2; số 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 96, 97, 98, 99, 100, 101 lĩnh vực An toàn Lao động phần VIII, mục A phụ lục 2; số 124 lĩnh vực Người có công phần IX, mục A phụ lục 2; số 61 lĩnh vực Bảo trợ xã hội phần V mục A phụ lục 2; số 55, 56 lĩnh vực Phòng, chống Tệ nạn xã hội phần IV mục A phụ lục 2; số 9, 10, 12, 20, 24, 27 lĩnh vực Bảo trợ xã hội phần V, mục B phụ lục 2; số 8, 9 lĩnh vực Bảo trợ xã hội-Giảm nghèo phần I, mục C phụ lục 2; số 19, 20 lĩnh vực Phòng, chống Tệ nạn xã hội phần IV, mục C phụ lục 2 tại Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố hết hiệu lực. *Quản*

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Quản*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực: Thành ủy, HĐND TP;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- VPUBTP: CVP, PCVP L.T.Lục;
- Các phòng: KSTTHC, KGVX, THCB;
- Công Giao tiếp điện tử Hà Nội;
- Lưu: VT, KSTTHC (Quynh)

(70)



CHỦ TỊCH
Nguyễn Đức Chung

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1898/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4, năm 2019
của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP THÀNH PHỐ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
1.	LĨNH VỰC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG				
1	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ các tổ chức tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập).	25 ngày làm việc	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Công thông tin điện tử.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội, 75 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội	1. Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015; 2. Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. 3. Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ.
2	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ các tổ chức tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập).	- Đối với trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung phạm vi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động: 25 ngày làm việc. - Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động trong trường hợp bị hỏng, mất, cấp đổi tên: 10 ngày làm việc.	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Công thông tin điện tử.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội, 75 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội	1. Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015; 2. Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. 3. Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
II.	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI				
3	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động TB&XH	5 ngày làm việc	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Cổng thông tin điện tử.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội, 75 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội	1. Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ. 2. Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 của Chính phủ.
Tổng số: 3 thủ tục					

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI						
1	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.	5 ngày làm việc	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính. - Công thông tin điện tử.	UBND cấp Huyện	1. Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ. 2. Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 của Chính phủ.	
2	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	23 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: 1. UBND cấp huyện: 10 ngày. 2. UBND cấp xã: 13 ngày.	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính.	UBND cấp Xã	1. Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013; 2. Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 của Chính phủ.	Thủ tục liên thông UBND cấp Xã-UBND cấp Huyện
Tổng số: 2 thủ tục						

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
1.	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI- GIẢM NGHÈO				
1	Công nhận hộ nghèo, cận nghèo phát sinh trong năm	Trong 7 ngày làm việc	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính.	UBND cấp xã	1. Quyết định 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015; 2. Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 3. Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018
2	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	Trong 7 ngày làm việc	Lựa chọn một trong các cách thức: - Gửi trực tiếp; - Gửi qua hệ thống bưu chính.	UBND cấp xã	1. Quyết định 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015; 2. Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 3. Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018
Tổng số: 2 thủ tục					

PHỤ LỤC 2

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG- THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI, SỞ NỘI VỤ,
UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1838 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2019
của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)*

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG- THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

STT	Số hồ sơ TTHC	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên Thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ
I.	LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP			
1		Số 21, Phần III, mục A phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Công nhận trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018 của Bộ Lao động- TB&XH
2		Số 23, Phần III, mục A phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập thuộc thành phố và phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn thành phố	Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 của Chính phủ
3		Số 33, Phần III, mục A phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Miễn nhiệm giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc Thành phố; trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục	Quyết định số 391/QĐ-LĐTBXH ngày 22/3/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH
II.	LĨNH VỰC AN TOÀN LAO ĐỘNG			
4		Số 84, Phần VIII, mục A phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng A (đối với tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập; doanh nghiệp, đơn vị do địa phương quản lý).	Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 của Chính phủ
5		Số 85, Phần VIII, mục A phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động đối với trường hợp bổ sung, sửa đổi giấy chứng nhận hạng A của tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập; doanh nghiệp, đơn vị do địa phương quản lý.	Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 của Chính phủ

STT	Số hồ sơ TTHC	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên Thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ
13		Số 98, Phần VIII, mục A phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Khai báo tai nạn lao động	Quyết định số 1380/QĐ-LĐTBXH ngày 9/10/2018 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH
14		Số 99, Phần VIII, mục A phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018.	Gửi biên bản điều tra tai nạn lao động của đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở	Quyết định số 1380/QĐ-LĐTBXH ngày 9/10/2018 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH
15		Số 100, Phần VIII, mục A phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến vụ tai nạn lao động đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài	Quyết định số 1380/QĐ-LĐTBXH ngày 9/10/2018 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH
16		Số 101, Phần VIII, mục A phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Khai báo sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động và sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng	Quyết định số 1380/QĐ-LĐTBXH ngày 9/10/2018 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH
III.	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG			
17		Số 22, Phần I Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 22/4/2011	Cấp giấy xác nhận người có công với cách mạng để thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở	1. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ; 2. Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; 3. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ;
18		Số 23, Phần I Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 22/4/2011	Cấp lại giấy chứng nhận thương binh, bệnh binh, Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ	1. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ; 2. Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; 3. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ;

STT	Số hồ sơ TTHC	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên Thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ
19		Số 28, Phần I Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 22/4/2011	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B - C - K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được Đảng cử ở lại miền Nam sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 (đối với cơ quan Dân - Chính - Đảng)	Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ
20		Số 38, Phần I Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 22/4/2011	Cấp giấy chứng nhận người hoạt động cách mạng trước năm 1945 để hỗ trợ cải thiện nhà ở theo Quyết định 20/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	1. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ; 2. Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; 3. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ;
21		Số 42, Phần I Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 22/4/2011	Giải quyết chế độ trợ cấp 01 lần theo Quyết định số 290/2005/QĐ - TTg đối với những trường hợp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước.	1. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ; 2. Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; 3. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ;
22		Số 43, Phần I Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 22/4/2011	Giải quyết chế độ Bảo hiểm y tế theo Quyết định số 290/2005/QĐ - TTg đối với những trường hợp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước	1. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ; 2. Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; 3. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ;
23		Số 44, Phần I Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 22/4/2011	Giải quyết chế độ mai táng phí theo Quyết định số 290/2005/QĐ - TTg đối với những trường hợp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước.	1. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ; 2. Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; 3. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ;

STT	Số hồ sơ TTHC	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên Thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ
24		Số 45, Phần I Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 22/4/2011	Chế độ Bảo hiểm y tế với Cựu chiến binh	1. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ; 2. Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; 3. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ;
25		Số 46, Phần I Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 22/4/2011	Chế độ mai táng phí với Cựu chiến binh	1. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ; 2. Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; 3. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ;
26		Số 47, Phần I Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 22/4/2011	Sao lục hồ sơ người có công	1. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ; 2. Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; 3. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ;
27		Số 48, Phần I Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 22/4/2011	Tiếp nhận vào nuôi dưỡng tại các Trung tâm nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công trực thuộc Sở	1. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ; 2. Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; 3. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ;
28		Số 54, Phần I Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 22/4/2011	Giải quyết chế độ bảo hiểm y tế đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	1. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ; 2. Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; 3. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ;

STT	Số hồ sơ TTHC	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên Thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ
29		Số 55, Phần I Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 22/4/2011	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	1. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ; 2. Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; 3. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ;
30		Số 1, Phần I Quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 27/2/2013	Giải quyết chế độ bảo hiểm y tế với Cựu chiến binh theo Nghị định 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh (Sửa đổi thủ tục Chế độ Bảo hiểm y tế với Cựu chiến binh tại QĐ số 1867 ngày 22/4/2011)	1. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ; 2. Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; 3. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ;
31		Số 2, Phần I Quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 27/2/2013	Giải quyết chế độ trợ cấp 01 lần; bảo hiểm y tế theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (Sửa đổi thủ tục Giải quyết chế độ trợ cấp 01 lần; bảo hiểm y tế theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc tại QĐ số 3488 ngày 03/8/2012)	1. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ; 2. Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; 3. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ;
32		Số 3, Phần I Quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 27/2/2013	Giải quyết chế độ mai táng phí theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (Sửa đổi thủ tục Giải quyết chế độ mai táng phí theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc tại QĐ số 3488 ngày 03/8/2012)	1. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ; 2. Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; 3. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ;
33		Số 124, Phần IX, mục A phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Thủ tục mua bảo hiểm y tế đối với người có công và thân nhân	Thông tư số 25/2016/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2016 của Bộ Lao động-TB&XH
IV.	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI			

STT	Số hồ sơ TTHC	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên Thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ
34		Số 74, Phần I Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 22/4/2011	Thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập Hội nhân đạo, từ thiện	Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP
35		Số 1, Phần I Quyết định số 5574/QĐ-UBND ngày 29/11/2011	Tiếp nhận đối tượng cứu trợ xã hội không nơi nương tựa vào nuôi dưỡng tại các Trung tâm Bảo trợ xã hội (tiếp nhận trẻ em vào trường; Nội trú Nguyễn Việt Xuân, Làng trẻ em SOS, Birla, Trung tâm nuôi trẻ em mồ côi suy dinh dưỡng, Trung tâm Giáo dục - LDXH số 2, Trung tâm nuôi dưỡng trẻ khuyết tật).	Luật trẻ em năm 2016
36		Số 61, Phần V, mục A phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động TB&XH	Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 của Chính phủ
IV.	LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI			
37		Số 55, Phần IV, mục A phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Đưa người nghiện ma túy, người bán dâm tự nguyện vào cai nghiện, chữa trị, phục hồi tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội (nay là Cơ sở Cai nghiện ma túy)	Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17/5/2018 của Chính phủ
38		Số 56, Phần IV, mục A phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Chế độ thăm gặp thân nhân đối với học viên tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội (nay là Cơ sở Cai nghiện ma túy)	Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17/5/2018 của Chính phủ
Tổng số: 38 Thủ tục.				

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI BỊ BÀI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ

STT	Số hồ sơ TTHC	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên Thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ
I. LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP				
1		Số 39, Phần III, mục A phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Bỏ nhiệm giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc Thành phố	Quyết định số 391/QĐ-LĐTBXH ngày 22/3/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH
2		Số 43, Phần III, mục A phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Bỏ nhiệm hiệu trưởng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố	Quyết định số 391/QĐ-LĐTBXH ngày 22/3/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH
3		Số 44, Phần III, mục A phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Miễn nhiệm, cách chức hiệu trưởng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố	Quyết định số 391/QĐ-LĐTBXH ngày 22/3/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH
4		Số 45, Phần III, mục A phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Thủ tục bổ nhiệm Hiệu trưởng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Quyết định số 391/QĐ-LĐTBXH ngày 22/3/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH
5		Số 46, Phần III, mục A phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Thủ tục miễn nhiệm, cách chức hiệu trưởng trường trung cấp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Quyết định số 391/QĐ-LĐTBXH ngày 22/3/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH
Tổng số: 5 Thủ tục.				

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

STT	Số hồ sơ TTHC	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên Thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ
I. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI				
1		Số 04, Phần VI Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011	Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với Cựu chiến binh	1. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ; 2. Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; 3. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ;
2		Số 06, Phần VI Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011	Thẩm định hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ	1. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ; 2. Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; 3. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ;
3		Số 11, Phần VI Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011	Thẩm định hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ mai táng phí đối với Cựu chiến binh tử trần	1. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ; 2. Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; 3. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ;
4		Số 24, Phần VI Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011	Xác nhận đơn đề nghị sao lục hồ sơ người có công	1. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ; 2. Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; 3. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ;

STT	Số hồ sơ TTHC	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên Thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ
5		Số 27, Phần VI Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011	Thẩm định hồ sơ xin xác nhận doanh nghiệp, Hợp tác xã là cơ sở sản xuất của thương binh, bệnh binh	Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ
6		Số 28, Phần VI Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011	Đề nghị tiếp nhận vào Trung tâm nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công trực thuộc Sở	Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ
7		Số 34, Phần VI Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011	Thẩm định hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ BHYT theo Quyết định 290/2005/QĐ-TTg đối với những trường hợp tham gia kháng chiến nhưng chưa được hưởng chế độ ưu đãi	1. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ; 2. Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; 3. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ;
8		Số 35, Phần VI Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011	Thẩm định hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ mai táng phí theo Quyết định 290/QĐ-TTg đối với những trường hợp tham gia kháng chiến nhưng chưa được hưởng chế độ ưu đãi	1. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ; 2. Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; 3. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ;
9		Số 55, Phần VI Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011	Giải quyết chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng là: Người mắc bệnh tâm thần thuộc các loại tâm thần phân liệt, rối loạn tâm thần được y tế chuyên khoa chữa nhiều lần không thuyên khỏi, bệnh mãn tính sống độc thân hoặc thuộc hộ nghèo.	Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ

STT	Số hồ sơ TTHC	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên Thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ
10		Số 57, Phần VI Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011	Giải quyết chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng là Người tàn tật nặng, không có khả năng lao động hoặc không có khả năng tự phục vụ thuộc hộ nghèo	Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ
11		Số 69, Phần VI Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011	Phân loại, đánh giá xây dựng xã, thị trấn lành mạnh không có tệ nạn ma túy, mại dâm	1. Nghị quyết liên tịch 01/2008/NQLT-BLĐTĐBXH-BCA-BVHTTDL-UBTUMTTQVN ngày 28/8/2008 của Bộ Lao động-TB&XH- Bộ Công An- Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch-UB trung ương MITQVN 2. Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012
II. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI				
12		Số 9, Phần V mục B phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.	Quyết định số 1789/QĐ-LĐTĐBXH ngày 13/12/2018 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH
13		Số 10, Phần V mục B phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.	Quyết định số 1789/QĐ-LĐTĐBXH ngày 13/12/2018 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH
14		Số 12, Phần V mục B phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.	Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 của Chính phủ

STT	Số hồ sơ TTHC	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố 1-TTHC của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên Thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ
15		Số 20, Phần V mục B phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật; người khuyết tật mang thai, nuôi con dưới 36 tháng tuổi)	Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 của Chính phủ
16		Số 24, Phần V mục B phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả đối tượng người khuyết tật đặc biệt nặng)	Quyết định số 1789/QĐ-LĐTBXH ngày 13/12/2018 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH
17		Số 27, Phần V mục B phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng	Quyết định số 1789/QĐ-LĐTBXH ngày 13/12/2018 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH
Tổng số: 17 Thủ tục.				

IV. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÀI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

STT	Số hồ sơ TTTC	Thủ tục TTTC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố TTTC của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên Thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ
I.	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI			
1		Số 01, Phần V Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 31/8/2011	Xác nhận đơn vay vốn ngân hàng chính sách xã hội cho thân nhân liệt sỹ	Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ
2		Số 07, Phần V Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 31/8/2011	Tiếp nhận và xét duyệt hồ sơ (theo thẩm quyền) giải quyết chế độ chính sách đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên xuất ngũ về địa phương đã từ trần	Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ
3		Số 15, Phần V Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 31/8/2011	Tiếp nhận và xét duyệt hồ sơ (theo thẩm quyền) giải quyết chế độ chính sách đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước dưới 15 năm công tác trong quân đội đã phục viên xuất ngũ về địa phương	Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ
4		Số 23, Phần V Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 31/8/2011	Xác nhận đơn đề nghị cấp lại thẻ Gia đình liệt sỹ	1. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ; 2. Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; 3. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ;
5		Số 24, Phần V Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 31/8/2011	Xác nhận đơn đề nghị cấp lại, đổi lại thẻ thương binh	1. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ; 2. Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; 3. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ;

STT	Số hồ sơ TTHC	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên Thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ
6		Số 26, Phần V Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 31/8/2011	Tiếp nhận và xét duyệt hồ sơ (theo thẩm quyền) giải quyết chế độ chính sách đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên xuất ngũ về địa phương	Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ
7		Số 29, Phần V Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 31/8/2011	Xác nhận đơn đề nghị cấp thẻ đi xe buýt miễn phí cho người có công với cách mạng	1. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ; 2. Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; 3. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ;
8		Số 31, Phần V Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 31/8/2011	Xác nhận đơn đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với cựu chiến binh	1. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ; 2. Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; 3. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ;
9		Số 32, Phần V Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 31/8/2011	Xác nhận đơn đề nghị giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	1. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ; 2. Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; 3. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ;

STT	Số hồ sơ TTHC	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên Thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ
10		Số 38, Phần V Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 31/8/2011	Xác nhận đơn đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với người có công với cách mạng theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg đối với trường hợp tham gia kháng chiến nhưng chưa được hưởng chế độ	1. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ; 2. Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; 3. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ;
11		Số 43, Phần V Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 31/8/2011	Xác nhận đơn đề nghị cấp thẻ đi xe buýt miễn phí cho người tàn tật	1. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ; 2. Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; 3. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ;
12		Số 46, Phần V Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 31/8/2011	Xác nhận đơn đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng cho người tàn tật nặng không có khả năng lao động hoặc khả năng tự phục vụ thuộc gia đình nghèo	Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ
13		Số 57, Phần V Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 31/8/2011	Xác nhận đơn đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng cho người tâm thần thuộc diện hộ nghèo hoặc sống độc thân không nơi nương tựa	Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ
14		Số 58, Phần V Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 31/8/2011	Xác nhận đơn vay vốn cho hộ nghèo, cận nghèo	Thông tư 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016
15		Số 60, Phần V Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 31/8/2011	Phân loại, đánh giá xây dựng xã, thị trấn lành mạnh không có tệ nạn ma túy, mại dâm ở cấp xã	1. Nghị quyết liên tịch 01/2008/NQLT-BLĐTBXH-BCA-BVHTTDL-UBTUMTTQVN ngày 28/8/2008 của Bộ Lao động-TB&XH- Bộ Công An- Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch-UB trung ương MTTQVN 2. Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012

STT	Số hồ sơ TTHC	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên Thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ
16		Số 1, điểm A mục II Phần 1 Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 29/12/2016	Hỗ trợ chi phí hỏa táng	Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 của UBND thành phố
II.	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI- GIẢM NGHÈO			
17		Số 8, Phần I mục C phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Công nhận hộ nghèo, cận nghèo phát sinh trong năm	Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/201
18		Số 9, Phần I mục C phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Công nhận hộ thoát nghèo; hộ thoát cận nghèo trong năm	Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/201
II.	LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI			
19		Số 19, Phần IV mục C phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Hoàn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng	Quyết định số 313/QĐ-LĐTBXH ngày 15/3/2019 của Bộ Trưởng Bộ LĐTB&XH
20		Số 20, Phần IV mục C phụ lục 2- Quyết định số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	Miễn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng	Quyết định số 313/QĐ-LĐTBXH ngày 15/3/2019 của Bộ Trưởng Bộ LĐTB&XH
Tổng số: 20 Thủ tục.				

